

Vấn đề tôn kính tổ tiên của người Việt Công giáo tại Tử Nê, Bắc Ninh

Lê Đức Hạnh

Viện Nghiên cứu Tôn giáo

Tóm tắt: Thờ cúng tổ tiên là một đề tài được quan tâm nghiên cứu bởi tính phổ quát của nó trong cộng đồng người Việt nói chung, và tôn kính tổ tiên đã trở thành một đạo hiếu trong mười giới răn đối với người Kitô hữu. Qua nghiên cứu một làng người Việt Công giáo Tử Nê, Bắc Ninh, bài viết này tập trung xem xét các nghi thức thờ kính tổ tiên dưới góc độ học thuật, giáo lý và thực tiễn. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là quan sát tham dự, phỏng vấn sâu cá nhân, phỏng vấn nhóm tập trung, bảng hỏi và phân tích nguồn tư liệu thứ cấp. Kết quả cho thấy việc thờ kính tổ tiên trong cộng đồng giáo dân Công giáo ở Tử Nê, Bắc Ninh có những đặc trưng riêng, song cũng có điểm tương đồng với việc tôn kính tổ tiên ở những người không theo đạo Công giáo, đó là đều dựa trên cơ sở kính trọng, hiếu lễ với tổ tiên và thờ cúng tổ tiên còn có vai trò thắt chặt mối liên hệ giữa các thành viên và duy trì sự bền vững trong gia đình, dòng họ.

Từ khoá: Thờ cúng tổ tiên; Tổ tiên; Gia đình Công giáo.

1. Các nghi thức thờ kính tổ tiên của giáo dân Tử Nê

Làng Công giáo Tử Nê ngày nay thuộc xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Đạo Công giáo truyền bá về Tử Nê khoảng thế kỷ XVII, nhưng đến năm 1883 Tử Nê chính thức được ghi nhận với vai trò là một làng Công giáo toàn tòng, là nơi đặt Tòa giám mục Bắc Ninh; nơi đặt đại, tiểu chủng viện.

Trong một năm, người giáo dân Tử Nê thực hiện việc thờ kính tổ tiên vào các dịp như Tết Nguyên đán, lễ các đấng, đám tang, giỗ chạp, cưới xin... với những hình thức đa dạng và phong phú. Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Tử Nê được thể hiện rõ ràng và đậm nhất qua các nghi thức tang ma và giỗ chạp. Trong tang ma được chia thành các giai đoạn như lúc trước khi chết, khi người tín đồ đã qua đời, nghi thức an táng, sau đó là nghi thức giỗ chạp.

Người Công giáo Tử Nê nói riêng, vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung từ nửa cuối thế kỷ XIX, khi qua đời gọi là *sinh thì*, giờ hấp hối gọi là *rình sinh thì*. Một số người già giải thích rằng: người Công giáo quan niệm khi đó là chết nơi trần thế, nhưng là sự khởi đầu một đời sống mới nơi Thiên đàng. Giờ phút chết cũng có nghĩa là thời (thì) điểm khai sinh một cuộc sống mới ở nơi khác. Chuông nhà thờ xứ dành cho người chết là *chuông sinh thì* hay còn gọi là chuông sâu, chuông tử.

Đối với người qua đời là tín đồ Công giáo được thực hành tương tự như người không theo Công giáo. Song về mặt tang lễ thì có nhiều điều khác biệt, thể hiện rõ đặc thù do Giáo hội quy định.

Khi tín đồ sắp qua đời, đang hấp hối các thừa tác viên (linh mục hay phó tế hoặc một trong số những người trong Ban hành giáo) được mời đến làm lễ xúc dầu bệnh nhân với những nghi thức đã được quy định trong thánh lễ và ngoài thánh lễ. Thân nhân và các đồng đạo khi biết tin người hấp hối đều tập trung tại nhà người hấp hối, đọc kinh cầu nguyện cho người sắp qua đời được “on chết lành và được hưởng nhan Chúa”, “hưởng ơn chết lành và được về bên Chúa”, đồng thời cũng là nâng đỡ về mặt tinh thần cho thân nhân người sắp qua đời và giúp đỡ gia đình những công việc liên quan đến tang ma. Kết quả điều tra tại Tử Nê cho thấy 90% gia đình giáo dân có mời linh mục đến làm phép xúc dầu, 86,3% tín đồ tập trung đọc kinh cầu nguyện tại gia đình người đang hấp hối (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2008).

Theo lời kể của một số người cao tuổi trong họ đạo Tử Nê thì trước những năm 1980, khi có tín đồ trong họ đạo sắp qua đời, thừa tác viên là linh mục hay phó tế hoặc một trong số những người trong Ban hành giáo

xứ, giáo họ, - thường là trưởng ban (trùm trưởng) được mời đến làm lễ xức dầu bệnh nhân. Trên đường đến nhà người bệnh, thừa tác viên có chức thánh được hộ tống bởi một cậu bé và một người cầm lọng che cho dù thời tiết mưa hay nắng. Cậu bé cầm chuông đi theo, lắc chuông kêu cho tới khi đến gia đình người hấp hối mới dừng lại. Giáo dân Tử Nê gặp thừa tác viên đi xức dầu bệnh nhân phải quỳ xuống cho tới khi họ đi qua. Việc làm này thể hiện sự sùng kính của người giáo dân trước Minh Thánh Chúa khi thừa tác viên rước đến cho “kẻ liệt”. Ngày nay thừa tác viên vẫn được mời đến làm lễ xức dầu bệnh nhân nhưng không còn cảnh chuông kêu lọng che như xưa nữa. Việc cử hành nghi lễ xức dầu bệnh nhân được cử hành lặng lẽ hơn. Vào giờ phút hấp hối (sinh thì), ngoài việc nâng đỡ người đang hấp hối về mặt thể xác, các gia đình này còn chuẩn bị một bàn thờ gồm có tượng Chúa chịu nạn, bình nước phép, nến, sách nghi thức để thừa tác viên cử hành các nghi thức cho người sắp qua đời.

Khi qua đời, người chết được đặt trên giường, xung quanh có thể rắc hoa tươi. Đến một thời điểm thích hợp người thân làm lễ tắm liệm, nhập quan. Người Công giáo không có quan niệm chết vào giờ lành hay dữ, không chọn ngày, giờ tốt đưa tang, không thiết hồn phách, làm nhà táng, minh tinh, không có linh xa (kiệu hay xe) đưa rước linh hồn người qua đời. Tuy nhiên, luật buộc một số ngày như chủ nhật mùa vọng, mùa chay, phục sinh, các lễ trọng, thứ 4 lễ Tro và Tam nhật vượt qua^(*) không được làm lễ an táng người qua đời, mà phải đổi ngày khác (Nguyễn Hồng Dương, 2001: 206). Khi có người chết, ngoài việc báo với chính quyền thôn, người thân phải báo với linh mục chính xứ và Ban hành giáo biết tin. Sau đó nhà thờ rung chuông sáu báo hiệu cho các tín hữu biết có đồng đạo qua đời. Tùy theo số tiếng (7 hay 9 tiếng) mà họ có thể biết người qua đời là nam hay là nữ, già hay trẻ. Nếu người mất là người cao tuổi thì tiếng chuông sáu cuối sẽ rung dài, là người trẻ tuổi thì tiếng chuông sáu sẽ rung ngắn. Nếu người qua đời là linh mục thì chuông sáu rung lên cả ngày đêm cho tới khi việc an táng linh mục quá cố kết thúc. Khi nghe chuông sáu, tín đồ ngừng việc đang làm hướng về phía nhà thờ đọc *Kinh lạy Cha*, tỏ lòng tiếc thương người qua đời.

Ở xứ đạo Tử Nê và các xứ họ đạo khác đều có một cỗ đòn đưa táng. Từ khi tín đồ Công giáo Tử Nê qua đời cho tới khi tiến hành nghi thức an táng tại nhà thờ, họ hàng, bà con và các đồng đạo lần lượt thay nhau cầu nguyện canh thức bên thi hài người quá cố. Người ta đặt một bàn nhỏ, trên có nước thánh, hoa quả, một bát hương và hương để sẵn trước linh cữu người quá cố. Giáo dân Công giáo Tử Nê khi đến viếng người mới qua đời thường thắp hương, vái lạy người chết và đọc kinh cầu nguyện. Khi giờ an

táng được ấn định, thừa tác viên có chức thánh đến gia đình có tang để đón rước thi hài người quá cố đến nhà thờ cử hành thánh lễ an táng. Thừa tác viên đọc lời nguyện và rảy nước thánh lên thi hài người quá cố. Khi đã cầu nguyện xong, người ta kiệu quan tài đến nhà thờ, thánh giá đi đầu và thừa tác viên có chức thánh đi trước quan tài. Người quá cố được đưa vào nhà thờ trong tư thế: nếu là giáo dân thì đặt quay mặt về phía bàn thờ Chúa, còn đối với người có chức thánh thì đặt quay mặt về phía giáo dân. Thánh lễ an táng được cử hành theo nghi thức phụng vụ mà Giáo hội quy định. Việc cử hành phụng vụ trong thánh lễ đều mang ý nghĩa cầu nguyện cho linh hồn người quá cố. Những người tham dự thánh lễ đều hướng đến việc xin ơn cầu nguyện cho người quá cố sớm được về Thiên đàng.

Sau nghi thức tại nhà thờ, người qua đời được đưa đi an táng theo thứ tự: cờ tang, thánh giá nển cao, trẻ nam, trung nam, bát âm, vòng hoa, quan tài, thân chủ người qua đời, bốn đạo đưa tiễn. Người Công giáo Tử Nê giống nhiều xứ đạo Công giáo khác không có tục lệ khi đưa tiễn bố qua đời đi phía sau, tiễn đưa mẹ qua đời đi giạt lùi phía trước quan tài. Các hình thức khóc lóc, lăn đường, cắt tóc tang... đều bị Giáo hội nghiêm cấm (Nguyễn Hồng Dương, 2001:212). Tại Vườn Thánh nghĩa địa dành riêng cho người theo đạo Công giáo, linh mục hoặc thừa tác viên tiến hành các nghi thức tiễn biệt cuối cùng với người quá cố theo như Giáo hội quy định với các nghi thức như làm phép ngôi mộ mới, từ biệt trước khi hạ quan tài xuống huyệt. Tiễn đưa người quá cố có đông đủ họ hàng thân thích, thân bằng cố hữu và các đồng đạo trong họ, trong xứ đạo. Ở đây có sự liên kết giữa những người chung một đức tin, chung một “ngôi nhà Chúa Giêsu”, và đó cũng là cơ sở cho những hành vi tôn kính với người quá cố sau ngày an táng. Sau khi an táng người qua đời, gia đình người giáo dân Tử Nê lập bàn thờ tôn kính. Bàn thờ tổ tiên người Công giáo Tử Nê được trang hoàng bày biện với bát hương, hương, nến, đèn, lọ hoa, di ảnh người quá cố, đôi khi là bài vị, Kinh thánh và hoa quả. Bàn thờ tổ tiên của người Công giáo được lập theo các nguyên tắc nhất định như bàn thờ tổ tiên không được đặt ngang bằng hay cao quá bàn thờ Chúa Giêsu.

Người Công giáo Tử Nê không có tục bốc mộ, thiêu xác hay cốt người qua đời. Người qua đời được “đào sâu chôn chặt”, còn gọi là kim tĩn, mộ có thể được xây kiên cố. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy 100% giáo dân Tử Nê thực hiện kim tĩn người quá cố (Viện nghiên cứu Tôn giáo, 2008).

Trải qua một quá trình, người Công giáo Tử Nê cũng như những xứ đạo vùng đồng bằng Bắc Bộ dần dần xuất hiện các loại kinh cầu nguyện liên quan đến người qua đời và tôn kính tổ tiên như: kinh cầu cho bệnh nhân;

kinh cầu cho người hấp hối; kinh cầu cho người vừa tắt thở; kinh cầu nguyện lúc tắm liệm; kinh cầu cho các linh hồn... (Nguyễn Hồng Dương, 2001). Tuy không thực hành nghi lễ cúng theo nghi lễ truyền thống của người Việt, tín đồ Công giáo không vì vậy mà không có những hình thức tưởng niệm riêng. Những hình thức này dựa trên tập tục cổ truyền, nhưng đưa nội dung Công giáo vào như: 3 ngày đi thăm mộ và cầu kinh; 49 ngày làm lễ và đọc kinh cầu nguyện; 100 ngày đọc lễ và đọc kinh cầu nguyện; ngày giỗ đầu (tiểu tường) và giỗ hết (đại tường) đều đọc kinh cầu nguyện. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy tất cả các hình thức trên đều được thực hiện trong cộng đồng giáo dân Tử Nê (Viện nghiên cứu Tôn giáo, 2008).

Hàng năm đến ngày giỗ của người quá cố được coi là dịp thực hiện những nghi thức thờ kính tổ tiên quan trọng nhất. Gia đình người Công giáo Tử Nê thường có hai hình thức tưởng niệm chính: xin lễ bàn thờ hoặc xin lễ mộ. Trong các ngày giỗ, người giáo dân Tử Nê xin lễ, đọc kinh, thăm mộ và tổ chức bữa cơm gia đình mà người ta cũng gọi là ăn cỗ. Thánh lễ trong ngày giỗ thường có sự tham gia đầy đủ của các con cháu trong gia đình cũng như của tất cả giáo dân trong họ đạo Tử Nê. Các nghi thức cử hành lễ giỗ không khác nhiều so với các thánh lễ khác. Chỉ có điều, khi thánh lễ bắt đầu, một người trong gia đình người quá cố sẽ cầm một bó hương, đi từ dưới nhà thờ lên trên gian cung thánh, đứng trước linh hương và vái lạy trước sự chứng kiến của mọi đồng đạo. Linh mục làm lễ giỗ phải thông báo tên thánh của người xin lễ giỗ để cộng đoàn giáo dân hiệp thông cầu nguyện cho linh hồn đó. Ngoài ra, buổi tối gia đình người có giỗ thường tổ chức đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn người qua đời. Các đồng đạo trong họ, xứ cũng được mời đến đọc kinh chung gọi là *Kinh cầu cho các linh hồn*. Trước đây ở xứ đạo Tử Nê, những người không có con trai để lo việc cúng giỗ cầu nguyện hàng năm, trước khi qua đời, người quá cố thường nghĩ đến chuyện “cúng hậu” vào nhà thờ Công giáo, được thể hiện dưới nhiều hình thức như cúng tiền vàng, hoặc cúng ruộng đất cho nhà xứ.

Ngoài những ngày giỗ, niên lịch Công giáo còn dành riêng ngày 2/11 để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày lễ các đấng hay còn gọi là lễ cầu hồn. Tháng 11 dương lịch hàng năm được gọi là tháng Cầu hồn. Vào dịp này giáo dân thường lo tu sửa lại Vườn Thánh, tu sửa mộ chí thân nhân, linh mục, tu sĩ.

Việc thờ kính tổ tiên được người Tử Nê chú trọng, biểu hiện rõ nhất ở những nghi thức diễn ra trong hai ngày: ngày cuối năm và ngày mùng 2

Tết Nguyên đán. Tại Tử Nê, vào ngày 30 Tết, trong những gia đình tộc trưởng bàn thờ tổ tiên được lau chùi sạch sẽ, trang hoàng đẹp đẽ, bày biện thêm nhiều quả, hoa tươi. Vào tối ngày cuối cùng của năm, mọi người trong tộc đều tập trung về nhà ông tộc trưởng để đọc kinh cầu nguyện cho tiền nhân. Trước khi buổi cầu nguyện cho tổ tiên được diễn ra, người tộc trưởng sẽ tuyên bố lý do của buổi lễ, đốt hương và vái lạy trước bàn thờ tổ tiên trong sự chứng kiến của toàn thể chi tộc. Việc đọc kinh cầu nguyện giúp mọi người luôn tâm niệm trong mình những tâm tình về công ơn của tổ tiên, ông bà. Đây là dịp con cháu hỏi han người cao tuổi về những điều về người quá cố. Người lớn tuổi kể cho con cháu nghe về những câu chuyện về các bậc cố nhân. Tất cả tạo nên một không khí thiêng liêng, gần gũi và gợi nhớ về tổ tiên.

Đến ngày 2 Tết, con cháu lại tập trung ở nhà ông tộc trưởng để chúc tết và để cầu nguyện cho ông bà tổ tiên. Hình thức cũng giống như buổi lễ cầu nguyện cho tổ tiên vào đêm 30 Tết. Sau đó các gia đình Công giáo trong làng thường “kết thành từng đoàn, toán đến các nhà có người chết trong năm để cầu nguyện cho người quá cố”, hay đi đọc kinh chúc tết mọi gia đình đồng đạo khác. Đây là một tập tục tốt đẹp của làng giáo Tử Nê mà không phải ở làng Công giáo nào cũng thực hiện được.

Ngoài ra, việc tôn kính tổ tiên của giáo dân Tử Nê còn được thực hiện vào các dịp khác trong năm như cưới xin, hay khi gia đình có việc trọng đại. Kết quả điều tra điều tra xã hội học tại Tử Nê tháng 3 năm 2008 cho thấy người Công giáo xứ Tử Nê thực hiện thờ kính tổ tiên vào dịp lễ tết chiếm 87,5%, khi tổ chức đám tang và giỗ là 96,3%, đám cưới là 53,7%, lúc gia đình có việc vui, trọng đại như con cái đỗ đạt, hay có người nhà đi làm ăn xa là 65%, vào ngày lễ các đảng là 83,8%, tôn kính tổ trong các giờ cầu nguyện chiếm 61,3% và trong các thánh lễ là 87,6% (Viện nghiên cứu Tôn giáo, 2008). Đối với việc tôn kính tổ tiên của giáo dân Tử Nê trong các lễ cưới, kết quả điều tra cho thấy có 86,3% số giáo dân đồng tình với việc cô dâu, chú rể phải bái lạy tổ tiên hai bên gia đình. Điều này cho thấy ý thức sâu sắc của giáo dân Tử Nê về ông bà tổ tiên. Chính ý thức về cội nguồn, về ơn nghĩa sinh thành là động lực và là lời răn dạy sâu sắc cho những thành viên mới bước vào đời sống hôn nhân.

2. Một số nhận xét

Tôn kính tổ tiên có nền tảng cơ sở xuất phát từ giáo lý của đạo Công giáo. Có thể khẳng định rằng tôn kính tổ tiên trong cộng đồng giáo dân Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung, làng đạo Tử Nê nói

riêng có cơ sở nền tảng trong chính giáo lý của họ. Vấn đề báo hiếu tổ tiên là điều mọi người phải quan tâm, giáo lý Công giáo đã đề ra những gì mà mọi tín đồ phải giữ, để chu toàn chữ hiếu đối với ông bà cha mẹ khi còn sống cũng như khi đã qua đời.

Với người Công giáo, Kinh Thánh là cơ sở nền tảng cho giáo lý và giáo luật của đạo Công giáo. Bộ Kinh Thánh có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Công giáo, trong đó họ tìm thấy cơ sở niềm tin của họ, tìm thấy lời chỉ dạy về cách sống, cách ứng xử với Thiên Chúa và với con người trong mối quan hệ với cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, bạn hữu, và cả kẻ thù. Chính lòng hiếu thảo được Thiên Chúa chúc phúc và ban cho con cháu được sống lâu. Các tín đồ Công giáo luôn nhớ rằng, nếu việc thảo kính được ghi nhận thì việc không quan tâm đủ đến cha mẹ cũng không được Chúa bỏ qua. Những người con không lo phụng dưỡng cha, và còn khinh thường mẹ thì phạm tội trọng. Theo quan niệm của Công giáo, tội lộng ngôn là tội xúc phạm đến danh của Thiên Chúa, mà ở đây những ai ruồng rẫy cha mẹ thì không chỉ đắc tội với cha mẹ, mà còn xúc phạm đến chính Thiên Chúa. Như thế, trong giáo lý Công giáo, chữ hiếu rất quan trọng, buộc mỗi người phải tuân thủ vì đó là luật của Chúa. Việc báo hiếu của con cái đối với cha mẹ là bổn phận bắt buộc, cha mẹ không phải mang ơn con cái về những điều đó. Đạo Công giáo rất đề cao công đức của cha mẹ dành cho con cái, cao đến nỗi chỉ duy một việc sinh thành thôi con cái đã không thể nào báo đáp được. Cho thấy việc báo hiếu của con cái đối với cha mẹ là một bổn phận, không có lý do gì mà con cái có quyền thoái thác bổn phận đó, ngay cả khi cha mẹ không thể lo cho con cái một cuộc sống đầy đủ, không làm tròn trách nhiệm làm cha mẹ, thì con cái vẫn phải thực hiện chữ hiếu vì công sinh thành ra mình. Đức Giêsu cũng đã lấy tiêu chí thảo kính cha mẹ là tiêu chí đầu tiên mà tín đồ phải thực hiện. Kinh Thánh công nhận niềm hạnh phúc của một gia đình mà cha mẹ biết thương yêu con cái, và con cái biết kính trọng và thảo hiếu với cha mẹ.

Việc thờ kính tổ tiên trong cộng đồng giáo dân Công giáo có những đặc trưng riêng. Người Công giáo tin rằng, con người có hồn và xác, cả hồn và xác đều do Thiên Chúa tạo dựng nên, được thể hiện qua ý nghĩa của trình thuật Thiên Chúa tạo dựng nên Adam và Êva trong Kinh Thánh, được coi là thủy tổ của loài người.

Từ cơ sở niềm tin như vậy, người giáo dân Công giáo có những hình thức báo hiếu riêng với ông bà tổ tiên đã qua đời. Trong Công giáo, thánh lễ là công việc chuyển tải nhiều công phúc nhất. Việc tôn kính tổ tiên nơi người Công giáo có những đặc trưng cơ bản của nó như người chết được

linh mục làm thánh lễ ở nhà thờ, được làm phép mô trong Vườn Thánh. Trong ba ngày sau đó, họ hàng, làng xóm sẽ đến nhà hiếu để đọc kinh cầu nguyện cho người qua đời. Trong nhiều ngày đầu, thân nhân đều ra viếng mộ mỗi ngày, có gia đình thực hiện việc đó đến khi giỗ trăm ngày. Các chu kỳ giỗ thông thường là mỗi năm một lần vào ngày mà người đó mất, người ta xin lễ, đọc kinh, thăm mộ. Vào những dịp giỗ trọng (như 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu...) tất cả con cháu xa gần đều phải về “ăn giỗ” để tưởng nhớ và để thể hiện sự “hiếu”, sự “kính” của mình với tổ tiên.

Một đặc trưng nữa của việc tôn kính tổ tiên nơi người Công giáo là: ngoài những ngày giỗ, niên lịch của Giáo hội họ còn có riêng một số ngày để cộng đoàn và để con cháu cầu nguyện cho tổ tiên, đó là ngày mồng hai tết Nguyên đán và 02 tháng 11. Vào ngày đó các xứ đạo ngoài thánh lễ do linh mục tổ chức tại nhà thờ, người giáo dân còn xin lễ cầu cho tổ tiên, các gia đình tổ chức đi thăm mộ, sửa sang mộ, dọn dẹp Vườn Thánh. Một số nơi linh mục còn tiến hành dâng lễ ngay tại Vườn Thánh. Trong những ngày này người giáo dân nhắc nhở con cháu tham gia thánh lễ đầy đủ và làm việc lành với ý chỉ cầu nguyện cho tổ tiên và cả các linh hồn khác đang còn ở luyện ngục.

Việc tang ma giỗ chạp trong cộng đồng giáo dân Công giáo có nhiều yếu tố hội nhập với văn hóa bản địa. Người ta cũng đặt một bàn nhỏ trưng hoa quả trước linh cữu người quá cố khi xác còn quản tại nhà, có đặt lư hương để những người viếng thắp hương và vái người chết. Trong nhà người Công giáo cũng có bàn thờ tổ tiên, và nhiều người vẫn thường thắp hương ở đó, nhiều gia đình có đặt hoa quả nhất là trong dịp giỗ, dịp tết, hay khi cây nhà có trái đầu mùa... Nhưng, người Công giáo không tin người chết sẽ hưởng dùng những hoa trái ấy, họ làm thế là để biểu lộ lòng thành kính, hiếu thảo của con cháu mà thôi. Các dịp giỗ chính như giỗ bảy tuần, giỗ trăm ngày, giỗ giáp năm, giỗ mãn tang, là những yếu tố được nhập từ văn hóa bản địa. Những mốc thời gian ấy vốn là truyền thống lâu đời của người Việt và người Công giáo ở Việt Nam cũng vẫn giữ những truyền thống ấy. Nhìn chung, người giáo dân Công giáo rất quan tâm đến việc báo hiếu tổ tiên. Điểm giống nhau giữa người Việt Công giáo với người Việt không theo Công giáo là họ đều thừa nhận sự tồn tại bất tử của linh hồn, nhưng điểm khác biệt giữa họ là quan niệm về hình thức tôn tại của linh hồn và do đó dẫn đến sự khác biệt về hình thức biểu lộ việc thờ cúng tổ tiên (Phạm Bích Hằng, 1998).

Trong việc thờ cúng tổ tiên có sự khác biệt giữa người Công giáo và không Công giáo. Khác biệt cơ bản là khác biệt trong quan niệm về

hồn và sự tồn tại của hồn sau khi chết. Trong quan niệm của người Công giáo, một khi con người đã chết thì có họ được lên Thiên đàng hay đến nơi luyện ngục chờ phán xét. Linh hồn ở nơi luyện ngục sẽ được con cháu cầu nguyện để sớm lên Thiên đàng, và ở đó họ lại cầu bầu cùng Chúa cho con người ở dương thế. Với người Công giáo thì những người đã chết không có quyền giáng phúc, chẳng làm hại ai và càng không báo thù ai. Còn người Việt không theo Công giáo quan niệm linh hồn sau khi rời khỏi thể xác sẽ về nơi suối vàng để gặp tổ tiên ở đó. Nơi đó, cũng giống như dương gian, tổ tiên cũng có những nhu cầu như ăn, mặc, ở hay các nhu cầu khác như khi còn sống. Tổ tiên ở đó khác người sống ở chỗ: tổ tiên không thể làm ra những thứ mà mình cần dùng, mà phải nhờ con cháu gửi xuống. Con cháu sẽ gửi xuống những của cải vật chất cho ông bà qua những dịp giỗ, lễ tết hay khi có việc trọng. Những vật dụng gửi cho tổ tiên bằng cách thông thường nhất là đốt vàng mã và cúng tế. Do vậy, cúng giỗ là một hình thức báo hiếu tổ tiên, nếu không cúng giỗ chu toàn cho ông bà tổ tiên nơi suối vàng sẽ bị tổ tiên quở trách, thậm chí nổi giận và có thể gây ra những điều không may cho con cháu.

Trong quan niệm của người Công giáo, điều duy nhất mà tổ tiên ông bà có thể làm là cùng Thiên Chúa ban ơn lành cho họ. Đây cũng là biểu hiện mối tương quan giữa người sống và người chết theo quan điểm của Công giáo. Cho nên tín đồ Công giáo thường không sợ ông bà tổ tiên, họ chu toàn việc cúng giỗ theo những cách thức riêng của Công giáo chỉ nhằm mục đích duy nhất là mong cho tổ tiên sớm chuộc xong lỗi lầm của mình, để mau được về Thiên Đàng. Vì thế, những việc mà con cháu làm mang ý nghĩa báo hiếu thuần túy. Báo hiếu tổ tiên còn là nghĩa cử nhớ về nguồn cội, mà *nguồn cội* trong Công giáo được đẩy đi xa đến tận Thiên Chúa, là Thiên Chúa, là niềm tin của người tín đồ. Ở người Việt không Công giáo, cúng giỗ cũng là để nhớ về nguồn cội, nhưng nguồn cội của họ chỉ dừng ở ông bà tổ tiên, ghi nhớ nguồn cội để con cháu tự tin vươn lên trong cuộc sống. Bên cạnh đó, nguồn cội còn có ý nghĩa giáo dục con cháu luôn xứng đáng với danh dự của tiền nhân.

Thờ cúng tổ tiên giữa người Công giáo và người không Công giáo có những khác biệt trong hình thức thể hiện. Với quan niệm tổ tiên chỉ hưởng dùng những công phúc, nên trong Công giáo, giỗ chạp thường chú trọng đến việc xin lễ, đọc kinh chung và làm những việc lành để hướng về ông bà tổ tiên, họ ít quan tâm đến việc sửa soạn đồ cúng, tuyệt đối không đốt vàng mã. Trên bàn thờ tổ tiên chỉ có cắm hương trước di ảnh tượng nhớ ông bà cha mẹ, một đĩa trái cây, một bình hoa với mục đích tôn kính ông bà cha mẹ chứ không hàm ý mời ông bà cha mẹ dùng. Việc giỗ chạp cũng

không phân biệt thứ bậc, vì cứ có người qua đời là gia đình đều tổ chức lễ giỗ, không cứ người chết đó thuộc hàng nào. Cho nên, cha mẹ vẫn tổ chức giỗ hàng năm cho những đứa con bị chết sớm. Bởi họ cho rằng bất cứ ai đã qua đời đều cần đến công đức của người sống làm thay để đền tội. Chính vì thế mà giỗ chạp trong Công giáo là dịp những người sống lập công phúc thay cho người chết để họ mau đền hết tội lỗi của mình, sớm được hưởng nhan Chúa nơi Thiên đàng.

Với người Việt, do tin rằng tổ tiên còn hưởng dùng những của cúng nên việc chuẩn bị giỗ và đồ lễ cúng được coi trọng. Khi mời ông bà về với con cháu, nếu không có điều kiện kinh tế sửa soạn “mâm cao cỗ đầy” thì ít ra cũng phải có bát com, quả trứng, bộ quần áo bằng mã để hoá cho ông bà khỏi đói rét.

Việc thờ cúng tổ tiên có những điểm tương đồng giữa cộng đồng người Việt không Công giáo và giáo dân Công giáo. Điểm tương đồng trước tiên là quan niệm về sự chết. Chết không phải là hết. Mặc dù cả hai nhóm xã hội – tôn giáo này có lối diễn tả về sự tồn tại và nơi cư ngụ của linh hồn sau khi chết có khác nhau, nhưng đều diễn tả một điểm: chết không phải là hết. Vì tin rằng chết không phải là hết nên cả người Công giáo và không Công giáo cùng chung một điểm nữa là luôn tin rằng tổ tiên sẽ còn quan tâm đến con cháu, vẫn luôn bên cạnh con cháu trong cuộc sống hàng ngày với những vui buồn của con cháu. Tổ tiên vẫn còn duy trì mối quan hệ với những người đang sống và luôn “cân” đến người sống, một bên cân người sống lập công phúc đền tội thay để sớm hưởng nhan Chúa nơi Thiên đàng, bên kia cân người sống dâng cúng đồ lễ để có cái sử dụng nơi suối vàng. Cho dù quan niệm như thế nào, thì việc giỗ chạp là một cách thức để báo hiếu tổ tiên. Dù muốn dù không mỗi người đều phải thừa nhận những gì mà chúng ta đang thừa hưởng là do tổ tiên để lại. Mỗi người đều có cha mẹ, đều phải mang ơn sinh thành của cha mẹ. Hay nói khác đi mỗi người đều được cấu thành từ những tế bào gia đình, lớn hơn là dòng họ, tổ tiên. Vì thế, xã hội hay những nhóm xã hội đều có bốn phạm ghi ơn tổ tiên, đồng thời khuyến khích mỗi thành viên trong gia đình và dòng họ, trong cộng đồng phải báo hiếu tổ tiên. Điều này rất được coi trọng trong xã hội Việt Nam và trở thành bản sắc trong văn hoá Việt Nam.

Một điểm tương đồng nữa trong vấn đề thờ cúng tổ tiên giữa người theo đạo Công giáo và người không theo đạo Công giáo là vấn đề tìm về nguồn cội. Trong việc báo hiếu, tôn kính tổ tiên cả hai nhóm xã hội – tôn giáo đều có ý nghĩa này.

Tóm lại, việc báo hiếu tổ tiên dù thể hiện dưới dạng thức nào chăng nữa

thì cũng để chỉ mối tương quan gắn bó giữa người sống và người chết, để chỉ mối liên kết cuộc sống trần thế với thế giới sau khi con người qua đời. Tuy theo quan niệm về linh hồn tổ tiên tồn tại như thế nào, cuộc sống sau khi con người qua đời thể hiện ra sao mà có các hình thức thể hiện của người sống cho phù hợp với quan niệm của nhóm xã hội - tôn giáo đó. Khi việc thờ cúng tổ tiên giữ vai trò thắt chặt những mối liên hệ trong gia đình, dòng họ, làm cho những mối liên hệ ấy ngày càng bền vững hơn qua những nghi lễ cúng giỗ tổ tiên, thì mỗi khi nhớ về cội nguồn tiên tổ, người ta cảm thấy tự tin hơn trong cuộc sống. Mặt khác, khi nhớ đến tổ tiên cũng là nhớ đến những gương sáng mà tiên nhân để lại, nhớ đến những giá trị truyền thống của cha ông. Tuy nhiên, dù niềm tin khác nhau, có thể dẫn đến những hình thức khác nhau của việc thờ kính/thờ cúng hay tôn kính tổ tiên, thì về cơ bản các nhóm xã hội vẫn có điểm giống nhau trên cơ sở kính trọng, hiếu lễ với tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên vì thế trở thành một “tập quán” không thể thiếu được của người Việt Nam, nó trở thành đặc điểm văn hoá đặc thù trong văn hoá Việt Nam. ■

Chú thích

(*) Tam nhật Vượt qua bắt đầu từ lễ chiều thứ Năm Tuần thánh, vươn tới cao điểm trong đêm Vọng Phục Sinh, và kết thúc với Kinh Chiều chính ngày Chủ nhật Phục Sinh.

Tài liệu tham khảo

- Dom Robert Légall. 1982. *Từ điển phụng vụ*, bản dịch. Tp. Hồ Chí Minh. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã Tân Lãng. 2003. *Lịch sử Đảng bộ xã Tân Lãng*. Hội đồng Giám mục Việt Nam. 2005. *Các thư chung*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Kinh Thánh. 2003. *Cựu ước và Tân ước*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Nguyễn Hồng Dương. 1997. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. Nguyễn Hồng Dương. 2001. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. Phạm Thị Bích Hằng. 1998. *Vấn đề thờ kính tổ tiên trong nền văn hoá đương đại Việt Nam*. Luận văn tốt nghiệp đại học. Tư liệu điền dã của tác giả tại xứ đạo Tử Nê. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. 2008. *Kết quả điều tra xã hội học tôn giáo tại Tử Nê tháng 3 năm 2008*. Viện Nghiên cứu Tôn giáo: Kết quả điều tra xã hội học các năm 1995, 1998, 2003, 2005, 2007, 2008.